

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Doãn Thị Lê
2. Bà Trần Thị Thúy Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2017/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2017, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 274/11/29 hẻm D, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quyết T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 15 Âu C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-02-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Kiều D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Quyết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và chung sống từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị D và anh T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 389/2011/QĐST-HNGĐ ngày 27-12-2011

của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi ly hôn được một thời gian, chị D và anh T quay về đoàn tụ và đăng ký kết hôn lại và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 11-4-2013. Sau khi chung sống, chị D và anh T có thêm một con chung. Quá trình chung sống được thời gian hơn một năm thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T thường xuyên say xỉn, quậy phá, hành hung vợ con, không quan tâm tới gia đình. Chị D đã nhiều lần góp ý nhưng anh T không thay đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị D và anh T đã sống ly thân từ giữa năm 2014 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị D và anh T không còn quan tâm tới nhau. Đến nay, chị D thấy mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Quyết T.

Về con chung: Chị D và anh Toàn có 03 con chung là cháu Nguyễn Quyết T1, sinh ngày 09-4-2002; Nguyễn Lê Thị Ánh T2, sinh ngày 14-11-2005 và Nguyễn Hoài Thanh T3, sinh ngày 21-01-2013. Hiện các con đang do chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị D yêu cầu giải quyết: Giao cháu Nguyễn Quyết T1 cho anh T nuôi dưỡng và chị D yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Thị Ánh T2 và cháu Nguyễn Hoài Thanh T3. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị D và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Quyết T đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản khai ngày 02 tháng 3 năm 2017, các con chung của chị Lê Thị Kiều D và Nguyễn Quyết T trình bày:

Cháu Nguyễn Quyết T1 có nguyện vọng sống chung với anh Nguyễn Quyết T khi cha mẹ ly hôn.

Cháu Nguyễn Lê Thị Ánh T2 có nguyện vọng sống chung với chị Lê Thị Kiều D khi cha mẹ ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại Tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai xác định:

Vợ chồng chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Quyết T sinh sống tại địa chỉ: 15 Âu C phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai là nhà của gia đình ông Nguyễn Văn B là cha ruột của anh T. Quá trình chung sống chị D và anh T có mâu thuẫn nhiều lần và vợ chồng đã chia tay nhưng sau đó lại quay về sống đoàn tụ. Sự việc mâu thuẫn vợ chồng do không có ai thông báo với Tổ hòa giải cơ sở nên Tổ hòa giải cơ sở không tiến hành hòa giải cho vợ chồng chị D, anh T. Hiện tại, chị D và anh T không còn chung sống với nhau; anh T vẫn sinh sống tại nhà còn chị D chuyển đi nơi khác sinh sống. Trong thời gian này, các con chung của chị D, anh T thì cháu lớn đang ở với anh T và được chăm sóc tốt còn các cháu nhỏ thì đi theo chị D.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

*** Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa; không có lời khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều D

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Quyết T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quyết T1, sinh ngày 09-4-2002 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Nguyễn Lê Thị Ánh T2, sinh ngày 14-11-2005 và Nguyễn Hoài Thanh T3, sinh ngày 21-01-2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí: Chị D phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị Kiều D có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Quyết T, địa chỉ: 15 Âu C, tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Nguyễn Quyết T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Quyết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 11-4-2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp.

[4] Chị D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường xuyên say xỉn, quậy phá, hành hung vợ con. Chị D đã nhiều lần góp ý nhưng anh T không thay đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị D và anh T đã sống ly thân và không còn quan tâm tới nhau. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng xác định quá trình chung sống chị D và anh T có mâu thuẫn và hiện tại không còn chung sống với nhau, người nào chỉ biết bốn phần người đó, đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng thực tế chị D và anh T vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D. Vì vậy, Tòa án có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[5] Về con chung: Chị D và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Quyết T1, sinh ngày 09-4-2002; Nguyễn Lê Thị Ánh T2, sinh ngày 14-11-2005 và Nguyễn Hoài Thanh T3, sinh ngày 21-01-2013. Theo kết quả xác minh thể hiện, trong thời gian anh T và chị D sống ly thân thì cháu T1 sống với anh T còn cháu T2 và cháu cháu T3 sống với chị D. Các con chung trong thời gian này vẫn được chăm sóc tốt nên anh T và chị D đều có khả năng được nuôi con. Theo kết quả lấy ý kiến của con chung vợ chồng thì cháu T1 có nguyện vọng sống chung với anh T và cháu T2 có nguyện vọng sống chung với chị D khi cha mẹ ly hôn. Nguyện vọng của con chung đã đủ 07 tuổi trở lên phù hợp với yêu cầu nuôi con của chị D và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị D.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều D.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Quyết T.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Quyết T1, sinh ngày 09-4-2002 cho anh Nguyễn Quyết T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Giao con chung là Nguyễn Lê Thị Ánh T2, sinh ngày 14-11-2005 và Nguyễn Hoài Thanh T3, sinh ngày 21-01-2013 cho chị Lê Thị Kiều D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Kiều D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0002905 ngày 01/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai, như vậy chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.Pleiku;
 - Chi cục THADS Tp.Pleiku;
 - TAND tỉnh Gia Lai;
 - UBND phường Thắng Lợi
- (Giấy CNKH số 38 ngày 11/4/2013);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phan Công Tôn

